

GRAND i10

Kích hoạt một tôi mới.





Tiên phong trong thiết kế với các đường nét thể thao, trẻ trung cùng mặt lưới tản nhiệt Crom tạo ra khí chất người dẫn đầu.



Cụm đèn ban ngày DRL (Daytime Running Light) được thiết kế phá cách dạng boomerang



Đèn sương mù tích hợp trên cản trước thể thao



Vành hợp kim 15 inch cao cấp tạo hình trẻ trung



THIẾT KẾ ĐẬM CHẤT THỂ THAO

Grand i10 All New thu hút mọi ánh nhìn trên mọi góc độ với các đường nét thời trang thể thao phá cách mang màu sắc của nghệ thuật đương đại





TIỆN NGHI TRÊN TỪNG CÂY SỐ

Khoang nội thất của Grand i10 All New là tất cả những gì bạn cần. Đó là sự rộng rãi của không gian kết hợp cùng sự tỉ mỉ, tinh tế trên các chi tiết cùng các tiện ích vượt tầm phân khúc.



Màn hình giải trí 8 inch



Cửa gió điều hòa hàng ghế thứ 2



Màn hình thông tin thiết kế thể thao



Cụm điều chỉnh media tích hợp nhận diện giọng nói



Cửa gió điều hòa dạng tua bin với 2 tông màu trẻ trung



Điều khiển hành trình



Cảm biến va chạm phía sau



Camera lùi hỗ trợ đỗ xe



Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc tích hợp với cân bằng điện tử



Hệ thống cảm biến áp suất lốp



Hệ thống an toàn 2 túi khí



Hệ thống khung mới cứng vững hơn với thép cường độ cao AHSS



Động cơ Kappa 1.2L mang đến khả năng vận hành êm ái, ổn định cùng với khả năng tiết kiệm nhiên liệu nhưng vẫn đáp ứng được nhu cầu vận hành của khách hàng.



Hộp số sàn 5 cấp

Mang đến khả năng vận hành bền bỉ và tiết kiệm nhiên liệu



Hộp số tự động 4 cấp

Được tối ưu để tạo nên sự cân bằng giữa niềm vui lái xe và khả năng tiết kiệm nhiên liệu





ĐỘNG CƠ - VẬN HÀNH - AN TOÀN

All New Grand i10 sẽ mang đến cho bạn những trải nghiệm nhiều niềm vui đằng sau vô lăng. Hệ thống khung gầm mới được tối ưu cùng các trang bị an toàn sẽ mang đến sự thoải mái mỗi khi cầm lái.

	Thông số kỹ thuật	1.2 MT Tiêu chuẩn		1.2 AT Tiêu chuẩn	1.2 AT
Kích thước & Trọng lượng	Kích thước tổng thể (DxRxC) (mm)	3,805 x 1,680 x 1,520			
	Chiều dài cơ sở (mm)	2,450			
	Khoảng sáng gầm xe (mm)	157			
	Dung tích bình nhiên liệu (Lít)	37			
Động cơ, Hộp số & Vận hành	Động cơ	Kappa 1.2 MPI			
	Dung tích xi lanh (cc)	1,197			
	Công suất cực đại (PS/rpm)	83/6,000			
	Mô men xoắn cực đại (Nm/rpm)	114/4,000			
	Hộp số	5 MT	4 AT		4 AT
	Hệ thống dẫn động	Dẫn động cầu trước			
	Phanh trước/sau	Đĩa/Tang trống			
	Hệ thống treo trước	MacPherson			
	Hệ thống treo sau	Thanh xoắn			
	Trợ lực lái	Trợ lực lái điện			
	Thông số lốp	165/70R14	175/60R15		
	Lốp dự phòng	Vành cùng cỡ	Vành giảm cỡ		
	Chất liệu lazang	Vành Thép	Vành Đúc hợp kim		
Ngoại thất	Cụm đèn pha (pha/cos)	Halogen			
	Đèn ban ngày		LED	LED	
	Đèn sương mù phía trước		Halogen Projector	Halogen Projector	
	Gương chiếu hậu chỉnh điện	O	Chỉnh điện, gập điện, tích hợp đèn báo rẽ	Chỉnh điện, gập điện, tích hợp đèn báo rẽ, có sấy	
	Sấy kính sau		O	O	
	Tay nắm cửa mạ crom		O	O	
	Ăng ten	Dạng dây			
Nội thất & tiện nghi	Vô lăng điều chỉnh 2 hướng	O	O	O	
	Vô lăng bọc da			O	
	Chất liệu ghế	Nỉ	Nỉ	Da	
	Màu nội thất	Đen Đỏ			
	Chỉnh ghế lái	Chỉnh cơ 4 hướng	Chỉnh cơ 6 hướng	Chỉnh cơ 6 hướng	
	Cửa sổ điều chỉnh điện, xuống kính một chạm vị trí ghế lái	Chỉnh điện	O	O	
	Điều hòa	Chỉnh cơ	Chỉnh cơ	Chỉnh cơ	
	Cụm màn hình thông tin	2.8 inch	2.8 inch	Màn hình LCD 5.3 inch	
	Màn hình AVN cảm ứng 8 inch tích hợp hệ thống định vị dẫn đường			O	
	Hệ thống giải trí			Bluetooth/ Radio/ MP4/Apple Carplay/ Android Auto	
	Số loa	4			
	Cụm điều khiển media kết hợp với nhận diện giọng nói		Cụm điều khiển media	O	
	Cửa gió điều hòa và cổng sạc USB hàng ghế thứ 2	O	O	O	
	Điều khiển hành trình Cruise Control			O	
	Chìa khóa thông minh và Khởi động nút bấm		O	O	
An toàn	Camera lùi			O	
	Cảm biến lùi		O	O	
	Cảm biến áp suất lốp			O	
	Chống bó cứng phanh ABS		O	O	
	Phân bổ lực phanh điện tử EBD		O	O	
	Hỗ trợ lực phanh khẩn cấp BA		O	O	
	Cân bằng điện tử ESC			O	
	Hỗ trợ khởi hành ngang dốc HAC			O	
	Chìa khóa mã hóa & hệ thống chống trộm Immobilizer	O	O	O	
	Số túi khí	1	2	2	

MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU (LÍT/100 KM)			
Phiên bản	Trong đô thị (l/100km)	Ngoài đô thị (l/100km)	Hỗn hợp (l/100km)
1.2 MT Base	6,8	4,6	5,4
1.2 AT Tiêu chuẩn	7,6	5,0	6,0
1.2 AT	7,6	5,0	6,0

KÍCH THƯỚC

Đơn vị: mm







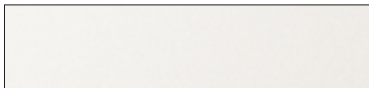
- Các giá trị trên đây là kết quả của các cuộc kiểm tra nội bộ và có thể thay đổi sau khi được kiểm nghiệm lại.

- Xe thực tế có thể có đôi chút khác biệt so với hình ảnh trong catalogue.

- Hyundai Thành Công có quyền thay đổi các thông số kỹ thuật và trang thiết bị mà không cần báo trước.

- Màu sắc in trong catalogue có thể sai khác nhỏ so với màu sắc thực tế.

- Vui lòng liên hệ với đại lý để biết thêm chi tiết.

MÀU NGOẠI THẤT	
 Trắng (PJW)	 Vàng Cát (S8N)
 Bạc (RHM)	 Xanh Dương (ZD6)
 Đỏ tươi (PR2)	



Vì lợi ích của bạn

hãy cài dây an toàn khi lái xe

5 NĂM

Số km bảo hành

100,000 km

www.hyundai.thanhcong.vn